



HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

(Dành cho chủ rừng là tổ chức)

MỤC LỤC

LỜI TỰA	1
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG	2
1. KHÁI NIỆM VỀ QLRBV VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG	2
1.1. QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG	2
1.2. CHỨNG CHỈ RỪNG	3
2. XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.1. VAI TRÒ CỦA VIỆC XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.2. TRÁCH NHIỆM XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.3. THỜI GIAN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.4. PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.5. TÀI LIỆU PHỤC VỤ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	4
2.6. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	6
2.7. TRÌNH TỰ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	7
2.8. SẢN PHẨM CỦA QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV	8
CHƯƠNG II: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC	9
PHẦN 1: MỞ ĐẦU	9
I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG ĐẢM BẢO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG RỪNG	9
II. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QLRBV	9
CHƯƠNG 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	10
I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC	10
II. CAM KẾT QUỐC TẾ	10
III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	11
CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ	12
I. THÔNG TIN CHUNG	12
II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG	12
III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI	13
IV. GIAO THÔNG	15
V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG	16
VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT	17
VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG	18
VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN	22
IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐDSH	23
IX-A. PHÂN KHU CHỨC NĂNG CỦA KHU RỪNG ĐẶC DỤNG (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỦ QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG)	26
IX-B. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG PHÒNG HỘ CỦA RỪNG (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ)	27
IX-C. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIÊN KÈ (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG QUẢN LÝ RỪNG SẢN XUẤT)	28
IX-D. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIÊN KÈ (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỦ RỪNG QUẢN LÝ RỪNG ĐẶC DỤNG, PHÒNG HỘ)	29
CHƯƠNG 3. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN	30
I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QLRBV	30
II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	31

III. XÁC ĐỊNH KHU VỰC LOẠI TRỪ VÀ KHU VỰC TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG (ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CHỦ QUẢN LÝ RỪNG SẢN XUẤT)	33
IV. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ	33
V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐDSH.....	34
VI. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ	43
VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	45
VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN	45
CHƯƠNG 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	46
I. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ	46
II. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT	46
III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	46
PHẦN 2: HỆ THỐNG PHỤ LỤC, BIỂU, BẢN ĐỒ KÈM THEO PHƯƠNG ÁN QL RBV	47
CHƯƠNG III: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ	48
1. THỂ LOẠI VÀ MỤC ĐÍCH CỦA TỪNG LOẠI BẢN ĐỒ.....	48
1.1. BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG	48
1.2. BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT	48
1.3. CÁC BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ	49
1.4. BẢN ĐỒ HCV.....	49
2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG CÁC LOẠI BẢN ĐỒ	49
2.1. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG RỪNG	50
2.2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	52
2.3. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BẢN ĐỒ CHUYÊN ĐỀ (ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT, PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, DLST)	55
2.4. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BẢN ĐỒ HCV.....	56
LỜI KẾT	60

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 01: Danh sách một số tài liệu, bản đồ cần thu thập	5
Bảng 02: Quy định tỷ lệ bản đồ	6
Bảng 03. Dân số và lao động các xã thuộc vùng đệm/lâm phần của chủ rừng	13
Bảng 04. Thống kê diện tích canh tác bình quân của hộ gia đình thuộc các xã thuộc vùng đệm/lâm phần của Chủ rừng	14
Bảng 05. Thống kê thu nhập bình quân trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp	14
Bảng 06. Hiện trạng các công trình hạ tầng về giao thông	15
Bảng 07. Diện tích và đối tượng được chi trả DVMTR rừng của chủ rừng	16
Bảng 08. Các đối tượng nhận chi trả DVMTR tại đơn vị chủ rừng	16
Bảng 09. Các đơn vị thuê môi trường rừng kinh doanh DLST	17
Bảng 10. Hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng	17
Bảng 11. Hiện trạng tài nguyên rừng của đơn vị chủ rừng	19
Bảng 12. Tổng trữ lượng bình quân theo các trạng thái rừng của đơn vị chủ rừng	20
Bảng 13. Thống kê các nhóm LSNG	21
Bảng 14. Thống kê hiện trạng cơ sở vật chất của chủ rừng	22
Bảng 15. Thống kê các chương trình, dự án đơn vị đã thực hiện	23
Bảng 16. Danh mục các loài thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm	24
Bảng 17. Danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý hiếm	24
Bảng 18. Tình hình vi phạm bảo vệ và phát triển rừng của đơn vị chủ rừng trong 5 năm gần nhất	25
Bảng 19. Hiện trạng các phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng	26
Bảng 20. Hiện trạng các phân khu chức năng của khu rừng phòng hộ	27
Bảng 21. Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh của chủ rừng	28
đối với diện tích rừng sản xuất	28
Bảng 22. Tổng hợp các nguồn thu trong 3 năm gần nhất của chủ rừng	29
Bảng 23. Tổng hợp các nguồn chi trong 3 năm gần nhất của chủ rừng	29
Bảng 24. Quy hoạch diện tích quản lý, sử dụng đất của chủ rừng	31
trong thời gian 10 năm	31
Bảng 25. Chuyển đổi các phân khu chức năng rừng đặc dụng sau 10 năm	32
Bảng 26. Chuyển đổi các phân khu chức năng rừng phòng hộ đến 2030	32
Bảng 27. Kế hoạch sử dụng đất của chủ rừng đến năm thứ 10	33

Bảng 30. Tổng hợp khái toán nhu cầu vốn cho Phương án QLRBV	43
Bảng 31. Cơ cấu vốn đầu tư thực hiện Phương án QLRBV	44
Bảng 32. Phân kỳ vốn đầu tư thực hiện Phương án QLRBV theo năm, giai đoạn	44
Bảng 33: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ hiện trạng rừng	50
Bảng 34: So Sánh Hệ Thống Phân Loại Rừng	51
Bảng 35: Cấu trúc trường thông tin bản đồ hiện trạng rừng	51
Bảng 36: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất	52
Bảng 37: Cấu trúc các lớp thông tin chính	53
Bảng 38: So Sánh Loại Đất, Loại Rừng	53
Bảng 39: Tài liệu sử dụng xây dựng các bản đồ chuyên đề	55
Bảng 40: Cấu trúc các lớp thông tin chính	55
Bảng 41: Tài liệu sử dụng xây dựng bản đồ HCV	57
Bảng 42: Matrix tài liệu và HCV	58
Bảng 43: Cấu trúc trường thông tin bản đồ HCV	58

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 01. Sơ đồ trình tự các bước xây dựng phương án QLRBV	7
Hình 02. Sơ đồ xây dựng các loại bản đồ	49
Hình 03: Bản đồ hiện trạng rừng, Ban QLRĐD Xuân Nha	52
Hình 04: Bản đồ phân bố thực vật quý hiếm, Ban QLRĐD, PH Thuận Châu	56
Hình 05: Bản đồ HCV Công ty Lâm nghiệp Hà Nừng	59

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVNN	Bảo vệ nghiêm ngặt
BVR	Bảo vệ rừng
CITES	Công ước về thương mại quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp
CoC	Chuỗi hành trình
ĐDSH	Đa dạng sinh học
DLST	Du lịch sinh thái
FM	Quản lý rừng
HCDV	Hành chính, dịch vụ
HCV	Giá trị bảo tồn cao
HCVF	Rừng có giá trị bảo tồn cao
ITTO	Tổ chức gỗ nhiệt đới
IUCN	Liên minh Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên và Tài nguyên Thiên nhiên
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
NĐCP	Nghị định chính phủ
PCCCR	Phòng cháy chữa cháy rừng
PHBG	Phòng hộ biên giới
PHBVNN	
CĐ	Phòng hộ bảo vệ nguồn nước cho cộng đồng
PHĐN	Phòng hộ đầu nguồn
PHST	Phục hồi sinh thái
QLRBV	Quản lý rừng bền vững
QSDĐ	Quyền sử dụng đất
SĐVN	Sách đỏ Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TNMT	Tài nguyên môi trường
UBND	Ủy ban nhân dân

LỜI TỰA

Dự án Tăng cường Quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững (Sau đây gọi là “Dự án”) được thực hiện nhằm nâng cao năng lực của chính quyền trung ương, cấp tỉnh và chủ rừng để thúc đẩy Quản lý rừng bền vững (QLRBV) trên cơ sở tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Dự án bao gồm 2 hợp phần, trong đó Hợp phần 1 hỗ trợ về lâm nghiệp và chính sách bảo tồn đa dạng sinh học (ĐDSH), còn Hợp phần 2 bao gồm các hoạt động liên quan đến QLRBV.

Dự án chọn các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang làm địa điểm dự án để thực hiện Hợp phần 2. Việc hỗ trợ 4 tỉnh mục tiêu về xây dựng và thực hiện Phương án QLRBV là một trong những nội dung chính của Dự án, trong đó hoạt động tổ chức hội thảo tập huấn được thiết kế để nâng cao năng lực của chủ rừng và các bên liên quan về xây dựng Phương án QLRBV. Để thực hiện nội dung này, Dự án tiến hành xây dựng tài liệu hướng dẫn xây dựng Phương án QLRBV cho hai nhóm đối tượng là 1. Chủ rừng là tổ chức và 2. Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư. Tài liệu hướng dẫn được biên soạn dựa trên nội dung của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT (sau đây gọi là *Thông tư 28*).

Tài liệu hướng dẫn xây dựng phương án QLRBV dành chủ rừng là tổ chức được bố cục theo 3 chương:

- CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG. Chương này cung cấp thông tin chung về QLRBV và chứng chỉ rừng, thông tin khái quát về quá trình xây dựng phương án QLRBV.

- CHƯƠNG II: HƯỚNG DẪN CHI TIẾT XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QLRBV CHO CHỦ RỪNG LÀ TỔ CHỨC. Chương này tập trung hướng dẫn xây dựng từng nội dung của phương án theo hướng dẫn tại Phụ lục II của Thông tư 28.

- CHƯƠNG III: HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BẢN ĐỒ. Chương này làm rõ những điểm quan trọng liên quan tới quá trình xây dựng các loại bản đồ kèm theo Phương án QLRBV theo quy định của Thông tư 28.

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

1. KHÁI NIỆM VỀ QLRBV VÀ CHỨNG CHỈ RỪNG

1.1. QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

- Quản lý rừng bền vững là gì?

Khái niệm Quản lý rừng bền vững (QLRBV - Sustainable Forest Management) được phát triển nhằm giải quyết vấn đề của những tác động tiêu cực (đến môi trường và xã hội) của việc sử dụng tài nguyên rừng quá mức, nhu cầu ngày càng gia tăng của con người về các sản phẩm từ rừng, và yêu cầu bảo vệ tài nguyên rừng cho các thế hệ tương lai.

Trên thế giới, hai khái niệm sau đây về QLRBV được chấp nhận rộng rãi:

- Tổ chức Gõ Nhiệt Đới Quốc tế (ITTO, 1992): QLRBV là quá trình quản lý những lâm phần rừng ổn định nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu quản lý đã được đề ra một cách rõ ràng như sản xuất liên tục các sản phẩm và dịch vụ rừng mà không làm suy giảm các giá trị vốn có và năng suất của rừng trong tương lai, đồng thời không tạo ra các tác động xấu đến môi trường tự nhiên và xã hội.

- Tiến trình Helsinki (MCPFE, 1993): QLRBV là việc quản lý và sử dụng rừng và đất rừng theo cách thức và cường độ phù hợp để duy trì đa dạng sinh học, năng suất, khả năng tái sinh và sức sống của rừng, và duy trì các chức năng kinh tế, sinh thái, xã hội của rừng ở hiện tại và tương lai ở các cấp địa phương, quốc gia và toàn cầu mà không gây tổn hại đến các hệ sinh thái khác.

Ở Việt Nam, khái niệm về QLRBV được quy định tại Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: QLRBV là phương thức quản trị rừng bảo đảm đạt được các mục tiêu bảo vệ và phát triển rừng, không làm suy giảm các giá trị và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh.

Như vậy:

- QLRBV đã trở thành một nguyên tắc trong quản lý kinh doanh rừng đồng thời là một tiêu chuẩn mà việc quản lý kinh doanh rừng phải đạt tới.

- QLRBV vì thế không chỉ là một nhu cầu mà còn là một xu thế khách quan toàn cầu nhằm quản trị rừng lâu dài theo các hệ thống tiêu chuẩn quản lý rừng quốc tế.

- Tại sao phải QLRBV?

Đặc điểm của hệ sinh thái rừng và nghề rừng	Yêu cầu pháp lý, xã hội và thị trường
- Hệ sinh thái rừng có đa giá trị (cung cấp, điều tiết, văn hóa và hỗ trợ) - Đặc điểm phức tạp của hệ sinh thái rừng (cấu trúc, các yếu tố có sự tương tác và phụ thuộc qua lại, biến đổi theo thời gian) - Hệ sinh thái rừng có khả năng tự phục hồi tại tạo nhằm duy trì sự cân bằng thông qua quá trình tái sinh rừng. - Chu kỳ kinh doanh dài. - Nghề rừng có tính xã hội sâu sắc.	- Thực hiện các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia (ILO, CBD, CITES, RAMSAR, VPA FLEGT,...) - Luật Lâm nghiệp 2017. - Kinh doanh rừng theo hướng đa mục tiêu (kinh tế, xã hội, môi trường) - Thị trường yêu cầu chuẩn hóa theo tiêu chuẩn hướng tới mục tiêu: minh bạch, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội (Ví dụ: các nước tiêu thụ sản phẩm gỗ chính của Việt Nam như Mỹ, Châu Âu)

- Hạ tầng lâm nghiệp khó khăn. - Đất và tài nguyên rừng rất dễ bị suy thoái - Mong muốn quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng lâu dài, ổn định và tăng thu nhập từ rừng	- cấm nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ không có chứng chỉ) - Tiếp cận thị trường và giá bán gỗ
---	--

1.2. CHỨNG CHỈ RỪNG

- Chứng chỉ QLRBV là gì?

Các loại quy định/tiêu chuẩn QLRBV

Hệ thống quy định QLRBV không gắn với thị trường	Hệ thống tiêu chuẩn QLRBV gắn với thị trường (có cấp chứng chỉ)
- ITTO (Tổ chức gỗ nhiệt đới quốc tế) - MCPFE (Quản lý rừng Châu Âu) - Montreal (tiến trình tại Hội nghị Montreal) - Quy định pháp luật của mỗi quốc gia - VPA FLEGT	- FSC (Forest Stewardship Council - của Hội đồng quản trị rừng) gồm: 10 nguyên tắc, 62 tiêu chí, 179 chỉ số - PEFC (Programme for Endorsement of Forest Certification Schemes - Chương trình phê duyệt quy trình chứng chỉ rừng) gồm: 7 nguyên tắc và 69 tiêu chí

Về khái niệm: Chứng chỉ rừng có thể được định nghĩa là một hệ thống tự nguyện được thực thi bởi bên thứ ba độc lập (gọi là đơn vị cấp chứng chỉ) nhằm đánh giá việc thực thi quản lý rừng của chủ rừng so với một tập hợp các yêu cầu đã được xác định (một bộ tiêu chuẩn).

Về hình thức: Chứng chỉ là một văn bản xác nhận rằng một sản phẩm/dịch vụ rừng tuân thủ các yêu cầu theo một bộ tiêu chuẩn quản lý rừng cụ thể

Ở Việt Nam, theo khoản 20, Điều 2, Luật Lâm nghiệp 2017: Chứng chỉ QLRBV là văn bản công nhận một diện tích rừng nhất định đáp ứng các tiêu chí về QLRBV.

- Tại sao lại cần chứng chỉ rừng?

Ngày nay toàn thế giới ngày càng quan tâm đến tình trạng diện tích và chất lượng rừng ngày một suy giảm, ảnh hưởng lớn đến môi trường sống và khả năng cung cấp sản phẩm rừng cho phát triển bền vững cũng như nhu cầu hàng ngày của người dân.

Vấn đề cần được giải quyết là làm thế nào quản lý kinh doanh rừng phải vừa đảm bảo tốt lợi ích kinh tế, vừa đem lại lợi ích thiết thực cho các cộng đồng dân cư sống trong và gần rừng, vừa không gây tác động xấu đến môi trường sống, tức là thực hiện được QLRBV và nó được công nhận bằng chứng chỉ quản lý rừng.

Cộng đồng quốc tế, các chính phủ, các tổ chức môi trường, xã hội,... đòi hỏi các chủ sản xuất kinh doanh rừng phải chứng minh rằng rừng của họ được quản lý bền bền vững, đây là yêu cầu về mặt pháp lý.

Người tiêu dùng sản phẩm từ rừng đòi hỏi có minh chứng rằng các sản phẩm lưu thông trên thị trường phải được khai thác từ rừng đã được quản lý bền vững, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đây là yêu cầu của thị trường và thị yếu của khách hàng.

- Có những loại chứng chỉ rừng nào?

Có 2 loại chứng chỉ dùng cho các khu rừng đạt tiêu chuẩn QLRBV và các sản phẩm lâm nghiệp được chế biến, hình thành từ nguồn nguyên liệu gỗ có chứng chỉ?